DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1284 ***/ QĐ-VPCNCL ngày*** 21 ***tháng 06 năm 2024 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)***

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Phân tích Thí nghiệm**

Laboratory: ***Department of Analysis and Experiment***

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam**

Organization: ***South Geological Mapping Division***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý / *Laboratory manager:* **Nguyễn Tiến Sơn**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 095**

Hiệu lực công nhận/ *period of validation:* **Kể từ ngày** 21 **/06/2024 đến ngày** 20 **/06/2029**

Địa chỉ / *Address*: **171 Trương Định, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh**

Địa điểm / *Location*: **171 Trương Định, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh**

Điện thoại/ *Tel*: **028 39312754** Fax:

E-mail: **nguyentienson2906@gmail.com** Website:

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of Testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1.	**Đất, đá và quặng** ***Soil, rock, ore***	Gia công mẫu sử dụng cho các phương pháp phân tích hóa, hóa lý *Sample preparation procedure for chemical, physico-chemical analyses*		TCVN 9924:2013
2.	**Đất, đá silicát** ***Soil, rock, Silicate***	Xác định hàm lượng Si *Determination of Si content*	20%	TCVN 9911:2013
3.		Xác định hàm lượng Ti Phương pháp đo quang *Determination of Ti content Colorimetric method*	0,05%	TCVN 9913:2013
4.		Xác định hàm lượng Al Phương pháp chuẩn độ complexon *Determination of Al Complexon titration method*	0.1 %	TCVN 9915:2013
5.		Xác định hàm lượng sắt tổng số Phương pháp chuẩn độ bicromat *Determination of total Fe content Bicromat titration method*	0.1 %	TCVN 9914:2013
6.		Xác định hàm lượng Ca Phương pháp chuẩn độ complexon *Determination of Ca content Complexon titration method*	0,5 %	TCVN 9912:2013
7.		Xác định hàm lượng Mg Phương pháp chuẩn độ complexon *Determination of Mg content Complexon titration method*	0,5 %	TCVN 9916:2013
8.		Xác định hàm lượng K, Na Phương pháp đo quang kế ngọn lửa *Determination of K, Na content Flame photometric method*	(0,0001 ~ 2) % mỗi nguyên tố/*each element*	QTNB 09:2017
9.	**Đá vôi** ***Limestone***	Xác định hàm lượng Ca Phương pháp chuẩn độ complexon *Determination of Ca content Complexon titration method*	(20 ~ 55) %	QTNB 11:2017 (ref. TCN 09 - I PTH/94)
10.	**Quặng bauxit** ***Bauxite ore***	Xác định hàm lượng Si *Determination of Si content*	0.1 %	QTNB 13:2017 (ref. TCN 02 - I PTH/94)
11.		Xác định hàm lượng Ti Phương pháp đo quang *Determination of Ti content colorimetric method*	0.01 %	QTNB 14:2017 (ref. TCN 02 - II PTH/94)
12.		Xác định hàm lượng Al Phương pháp chuẩn độ complexon *Determination of Al content Complexon titration method*	0.1 %	QTNB 15:2017 (ref. TCN 02 - III PTH/94)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
13.	**Quặng bauxit** ***Bauxite ore***	Xác định hàm lượng Fe tổng số Phương pháp chuẩn độ bicromat *Determination of total Fe content* *Bicromate titration method*	0.1 %	QTNB 16:2017 (ref. TCN 02 - IV PTH/94)
14.		Xác định hàm lượng chất mất khi nung (MKN) *Determination of Loss on Ignition (L.O.I) content*	0.1 %	QTNB 18:2017 (ref. TCN 02 - VI PTH/94)
15.		Xác định hàm lượng P_2O_5 Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content* *Colorimetric method*	0,005%	QTNB-BX.11-HH/05 (2020)
16.		Xác định hàm lượng MnO Phương pháp đo quang *Determination of MnO content* *Colorimetric method*	0,01%	QTNB-BX.10-HH/05 (2020)
17.		Xácđịnhhàmlượng SO_3 *Determination of SO_3 content*	0,01%	QTNB-BX.12-HH/05 (2020)
18.	**Đất, đá và quặng** ***Soil, rock, ore***	Xác định đồng thời 36 nguyên tố Ag, Al, As, B, Ba, Be, Bi, Ca, Cd, Ce, Co, Cr, Cu, Fe, Ga, Ge, K, La, Li, Mg, Mn, Mo, Nb, Ni, P, Pb, Sb, Sc, Sn, Sr, Ta, Ti, V, W, Y, Zn Phương pháp quang phổ phát xạ plasma. *Simultaneous determination of 36 elements Ag, Al, As, B, Ba, Be, Bi, Ca, Cd, Ce, Co, Cr, Cu, Fe, Ga, Ge, K, La, Li, Mg, Mn, Mo, Nb, Ni, P, Pb, Sb, Sc, Sn, Sr, Ta, Ti, V, W, Y, Zn* *Inductively coupled plasma optical emission spectrometry*	Al_2O_3, Fe_2O_3, CaO, MgO, MnO, TiO_2, P_2O_5, K_2O: (0,005 ~ 20)%; Ag, Cd, Co, V: 2 mg/kg Be, Ce, Cr, Cu, La, Li, Mo, Ni, Pb, Sc, Sr, Y, Zn: 5 mg/kg; B, Ba, Bi, Ga, Sb, Ta, Sn: 10 mg/kg; As, Ge, W: 20 mg/kg	TCVN 9918:2013
19.	**Cát (cốt liệu cho bê tông và vữa)** ***Sand (Aggregates for concrete and mortar)***	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn *Determination of particle composition and magnitude modulus*	(10 ~ 0.14) mm	TCVN 7572-2:2006
20.		Xác định tỷ trọng mẫu (khối lượng riêng) *Determination of sample density*	< 5.0 mm	TCVN 7572-4:2006
21.		Xác định khối lượng thể tích xốp *Determination of the volume of foam*		TCVN 7572-6:2006
22.		Xác định độ ẩm *Determination of humidity*	-	TCVN 7572-7:2006
23.		Xác định thành phần thạch học *Determination of mineral composition*	(0.1~7) mm	TCVN 7572-3:2006
24.	**Đất xây dựng** ***Soil***	Xác định thành phần cấp hạt *Determination of grain size*	(0.005 ~10) mm	TCVN 4198:2014

Chú thích/ *Note*:

- QTNB: Phương pháp thử do PTN xây dựng /*Laboratory developed method*
- ref: phương pháp tham khảo/*reference method*
- TCN 09 - I PTH/94: tiêu chuẩn của Cục địa chất Việt Nam ban hành/*the method issued by the Vienam Geological Department*
- Trường hợp, Phòng Phân tích Thí nghiệm (Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam) cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Phòng Phân tích Thí nghiệm (Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Analysis and Experiment (South Geological Mapping Division) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*.